

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo Xây dựng, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của Ủy ban nhân dân xã (Ban chỉ đạo ISO 9001 xã),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Phú An phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công chức Văn phòng thông kê xã, Ban chỉ đạo ISO xã, các Công chức chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND xã Phú An và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân thị xã;
- Phòng Kinh tế thị xã;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh;
- Ban Chỉ đạo ISO 9001 xã;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

12



Lê Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC
CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÙ HỢP VỚI
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008

(Kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22 / 5/2019 của UBND xã Phú An)

Tổng số: 125 thủ tục, 36 lĩnh vực

STT	Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực		Ghi chú
I. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại			
1.	1.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	
II.Lĩnh vực Giải quyết tố cáo			
2.	2.	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	
III. Lĩnh vực Tiếp công dân			
3.	3.	Tiếp công dân tại cấp xã	
IV. Lĩnh vực Xử lý đơn			
4.	4.	Xử lý đơn tại cấp xã	
V. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng			
5.	1.	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	
6.	2.	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	
7.	3.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	
8.	4.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	
VI. Lĩnh vực Quản lý giao thông			
9.	1.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	
10.	2.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý) đang khai thác	
11.	3.	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	
12.	4.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	
13.	5.	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	

STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú
14.	6.	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	
15.	7.	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	
16.	8.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	
17.	9.	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)	
18.	10.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp xã khai thác	
19.	11.	Xác nhận tình trạng báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	
VII. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật			
20.	1.	Thủ tục Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật	
21.	2.	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất lúa	
VIII. Lĩnh vực Kiểm lâm			
22.	1.	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	
23.	2.	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên	
24.	3.	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	
IX. Lĩnh vực Dân tộc			
25.	1.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	
26.	2.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân	

STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú	
		tộc thiểu số		
X. Lĩnh vực Hộ tịch				
27.	1.	Thủ tục đăng ký khai sinh		
28.	2.	Thủ tục đăng ký kết hôn		
29.	3.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con		
30.	4.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con		
31.	5.	Thủ tục đăng ký khai tử		
32.	6.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động		
33.	7.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động		
34.	8.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động		
35.	9.	Thủ tục đăng ký giám hộ		
36.	10.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ		
37.	11.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		
38.	12.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
39.	13.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh		
40.	14.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
41.	15.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn		
42.	16.	Thủ tục đăng ký lại khai tử		
43.	17.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch		
XI. Lĩnh vực Nuôi con nuôi				
44.	1.	Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi trong nước		
45.	2.	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
XII. Lĩnh vực Chứng thực				
46.	1.	Cấp bản sao từ sổ gốc		

STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú
47.	2.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
48.	3.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
49.	4.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	
50.	5.	Thủ tục chứng thực di chúc	
51.	6.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
52.	7.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
53.	8.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
54.	9.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
55.	10.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
56.	11.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
XIII. Lĩnh vực Hành chính tư pháp			
57.	01	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
58.	02	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
59.	03	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	
60.	04	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	

STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú
61.	05	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	
XIV. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (Trong hoạt động quản lý hành chính)			
62.	1.	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	
63.	2.	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	
64.	3.	Thủ tục chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	
65.	4.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	
XV. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật			
66.	1.	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	
67.	2.	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	
XVI. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở			
68.	1.	Thủ tục bầu hòa giải viên	
69.	2.	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải	
70.	3.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
71.	4.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
XVII. Lĩnh vực Người có công			
72.	1.	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	
73.	2.	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	
XVIII. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
74.	1.	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	
75.	2.	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
76.	3.	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
77.	4.	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	
78.	5.	Thủ tục Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	

STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú
79.	6.	Thủ tục Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	
80.	7.	Thủ tục xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	
81.	8.	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
XIX. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội			
82.	1.	Thủ tục quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	
83.	2.	Thủ tục quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
84.	3.	Thủ tục hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	
85.	4.	Thủ tục miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	
86.	5.	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	
XX. Lĩnh vực Giảm nghèo			
87.	1.	Thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh trong năm	
88.	2.	Thủ tục công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	
XXI. Lĩnh vực Trẻ em			
89.	1.	Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	
90.	2.	Thủ tục chấm dứt chăm sóc thay thế cho trẻ em	
91.	3.	Thủ tục phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
92.	4.	Thủ tục đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	

STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú
93.	5.	Thủ tục thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
94.	6.	Thủ tục chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	
XXII. Lĩnh vực Đấu thầu			
95.	1.	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	
96.	2.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	
XXIII. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở			
97.	1.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	
98.	2.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	
99.	3.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	
XXIV. Lĩnh vực Thư viện			
100.	1.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	
XXV. Lĩnh vực Thể dục thể thao			
101.	1.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	
XXVI. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng			
102.	1.	Cấp giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	
103.	2.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	
104.	3.	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	

STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú
XXVII. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng			
105.	1.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	
106.	2.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	
107.	3.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	
108.	4.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa	
109.	5.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
XXVIII. Lĩnh vực Lãnh sự			
110.	1.	Thủ tục cấp Giấy phép nhập cảnh thi hải, hải cốt, tro cốt về Việt Nam	
XXIX. Lĩnh vực Dân số và kế hoạch hóa gia đình			
111.	1.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	
XXX. Lĩnh vực Đất đai			
112.	1.	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	
XXXI. Lĩnh vực Môi trường			
113.	1.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	
114.	2.	Tham vấn ý kiến về đề án bảo vệ môi trường chi tiết	
115.	3.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	
116.	4.	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường	
XXXII. Lĩnh vực Tài nguyên nước			



STT		Tên thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực	Ghi chú
117.	1.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	
XXXIII. Lĩnh vực Khoáng sản			
118.	1.	Đăng ký thi công cải tạo mặt bằng trong diện tích đất ở được giao	
XXXIV. Lĩnh vực Nhà ở			
119.	1.	Cấp mới sổ nhà đối với hình thức đơn lẻ	
120.	2.	Cấp lại, chỉnh sửa sổ nhà	
XXXV. Lĩnh vực Giáo dục đào tạo			
121.	1.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
122.	2.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
123.	3.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
124.	4.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
XXXVI. Lĩnh vực Thủy lợi			
125.	1.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới liên tiến, tiết kiệm nước (<i>Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện</i>)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ AN,
THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Phú An,
thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008
đối với Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng cho cấp xã

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Chủ tịch UBND xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Bản công bố ngày 26/3/2019./.

Phú An, ngày 22 tháng 5 năm 2019



CHỦ TỊCH

Lê Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ PHÚ AN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 87/TB-UBND

Phú An, ngày 22 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước,

Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đối với từng ngành, từng lĩnh vực và từng thủ tục hành chính đã có nhiều thay đổi, nhằm đảm bảo áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo tình hình thực tế tại địa phương, để duy trì, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. Ủy ban nhân dân xã Phú An đã rà soát, cũng cố ra Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của Chủ tịch UBND xã Phú An về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. Nay Ủy ban nhân dân xã Phú An thông báo đến Ban Chỉ đạo ISO thị xã Bến Cát, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương được biết để theo dõi.

Trên đây là Thông báo về việc công bố lại hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của UBND xã Phú An./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân thị xã;
- Phòng Kinh tế thị xã;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh;
- BCĐ ISO 9001 xã;
- Lưu: VT.



Lê Nguyễn Thanh Bình